

Đơn vị: THPT DẦU TIẾNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 422

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

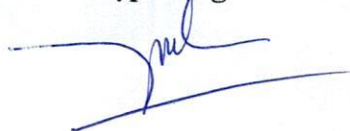
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường THPT Dầu Tiếng công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 2024 như sau:

Đơn vị tính

| Số TT     | Nội dung                                               | Dự toán năm 2024<br>(kể cả điều chỉnh, bổ sung) | Thực hiện năm 2024    | Thực hiện so với dự toán 2024 (tỷ lệ %) |
|-----------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------|
| 1         | 2                                                      | 3                                               | 4                     | 5                                       |
| <b>A</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>     | <b>733.000.000</b>                              | <b>2.599.055.000</b>  | <b>354,58</b>                           |
| <b>I</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp</b>               | <b>733.000.000</b>                              | <b>2.599.055.000</b>  | <b>354,58</b>                           |
| 1         | Học phí                                                | 733.000.000                                     | 710.400.000           | 96,92                                   |
| 2         | Thu sự nghiệp (Dạy buổi 2, căn tin, giữ xe)            | 0                                               | 1.888.655.000         |                                         |
| <b>II</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại, thu sự nghiệp</b> | <b>733.000.000</b>                              | <b>2.617.415.299</b>  | <b>357,08</b>                           |
| 1         | Học phí                                                | 733.000.000                                     | 728.760.299           | 99,42                                   |
| 2         | Thu sự nghiệp (Dạy buổi 2, căn tin, giữ xe)            | 0                                               | 1.888.655.000         |                                         |
| <b>B</b>  | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                  | <b>15.324.058.811</b>                           | <b>15.089.225.079</b> | <b>98,47</b>                            |
| I         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên N12               | 1.100.214.193                                   | 865.380.461           | 78,66                                   |
| II        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên N13                     | 14.223.844.618                                  | 14.223.844.618        | 100,00                                  |
|           | Trong đó: - Chi tiền lương, PC và CKĐG                 | 12.362.364.892                                  | 12.362.364.892        | 100,00                                  |
|           | - Chi hoạt động                                        | 1.861.479.726                                   | 1.861.479.726         | 100,00                                  |

Lập bảng



Trương Quang Minh

Dầu Tiếng, ngày 07 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Lê Long Vương